TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1288**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Đẹp**.

2. Ông **Phạm Văn Chính.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 758/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 495/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 337/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Thạch Thị Kim M** - sinh năm: 1987. Địa chỉ: C đường V, Ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn B** - sinh năm: 1978. Địa chỉ: F Quốc lộ B, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị Kim M trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B đã tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, Quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/8/2005.

Vợ chồng có một thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Thạch Thị Kim M nhận thấy tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn chung sống với nhau được. Do đó, bà Thạch Thị Kim M yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B có 02 con chung tên Phạm Duy K, sinh ngày 23/6/2011 và Phạm Duy A, sinh

ngày 18/8/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Sau ly hôn, bà Thạch Thị Kim M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung tên Phạm Duy K; không yêu cầu ông Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2024, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, ông Phạm Văn B đồng ý với phần trình bày của bà Thạch Thị Kim M. Ông Phạm Văn B xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Nay ông Phạm Văn B nhận thấy còn tình cảm với bà Thạch Thị Kim M. Do đó, ông Phạm Văn B không đồng ý ly hôn với bà Thạch Thị Kim M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B có 02 con chung tên Phạm Duy K, sinh ngày 23/6/2011 và Phạm Duy A, sinh ngày 18/8/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Phạm Văn B đồng ý giao con chung tên Phạm Duy K cho bà Thạch Thị Kim M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng chưa đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện cư trú tại xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn bà Thạch Thị Kim M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/8/2005, đủ cơ sở xác

định quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Qua lời trình bày của hai bên đương sự tại phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, có đủ cơ sở xác định đời sống vợ chồng của bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B đến cuối năm 2015 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không dung hòa được nên bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B sống ly thân với nhau. Tuy nhiên, ông Phạm Văn B xác định vợ chồng có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã ly thân nhiều năm nhưng không đồng ý ly hôn với bà Thạch Thị Kim M.

[4] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

[5] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, trên thực tế vợ chồng bà Thạch Thị Kim M với ông Phạm Văn B đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm, trong thời gian ly thân mạnh ai nấy sống và không quan tâm đến nhau, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B có 02 con chung tên Phạm Duy K, sinh ngày 23/6/2011 và Phạm Duy A, sinh ngày 18/8/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thạch Thị Kim M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Duy K và không yêu cầu ông Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con; quá trình hòa giải ông Phạm Văn B đồng ý giao cong chung tên Phạm Duy K cho bà Thạch Thị Kim M nuôi dưỡng; tại bản tự khai của cháu Phạm Duy K có nguyên vọng tiếp tục được bà Thạch Thị Kim M chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ đó, cần giao cháu Phạm Duy K cho bà Thạch Thị Kim M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Duy K1 và quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Thạch Thị Kim M đối với ông Phạm Văn B.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Kim M được ly hôn với ông Phạm Văn B.

3. Về con chung: Bà Thạch Thị Kim M và ông Phạm Văn B có 02 con chung tên Phạm Duy K, sinh ngày 23/6/2011 và Phạm Duy A, sinh ngày 18/8/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Giao cháu Phạm Duy K cho bà Thạch Thị Kim M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Văn B cho đến khi bà Thạch Thị Kim M có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Thạch Thị Kim M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 11/6/2024, bà Thạch Thị Kim M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004672 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân